

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI

Số: 19/2007/QĐ-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về nhân viên hàng không và cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên
hàng không

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 06 năm 2006;
Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt
Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh, tiêu chuẩn và điều
kiện của nhân viên hàng không; tiêu chuẩn và thủ tục cấp, công nhận giấy phép,
chứng chỉ chuyên môn của nhân viên hàng không; tiêu chuẩn và chương trình đào
tạo, huấn luyện của các cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng
không; chế độ lao động, kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không.

Chương II

CHỨC DANH, NHIỆM VỤ, GIẤY PHÉP VÀ CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 2. Chức danh nhân viên hàng không

1. Chức danh nhân viên hàng không bao gồm:

- a) Thành viên tổ lái;
- b) Giáo viên huấn luyện bay;
- c) Tiếp viên hàng không;
- d) Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay;
- đ) Nhân viên không lưu;
- e) Nhân viên thông báo tin tức hàng không;
- g) Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không;
- h) Nhân viên khí tượng hàng không;
- i) Nhân viên điều độ, khai thác bay;
- k) Nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, trang bị, thiết bị tại khu bay;
- l) Nhân viên an ninh hàng không;
- m) Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay.

2. Nhân viên hàng không phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có chứng chỉ chuyên môn do cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cấp;
- b) Đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn theo quy định;
- c) Đủ thời gian thực tập và huấn luyện theo quy định;
- d) Có đủ sức khỏe, độ tuổi theo quy định.

Điều 3. Nhiệm vụ theo chức danh của nhân viên hàng không

1. Thành viên tổ lái thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, đảm bảo an toàn cho chuyến bay.

2. Giáo viên huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ huấn luyện thực hành bay cho thành viên tổ lái.

3. Tiếp viên hàng không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho hành khách trong chuyến bay, phục vụ trên tàu bay theo sự phân công của người khai thác tàu bay hoặc người chỉ huy tàu bay nhưng không được thực hiện nhiệm vụ của thành viên tổ lái.

4. Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay thực hiện nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.
5. Nhân viên không lưu thực hiện các nhiệm vụ sau đây đối với chuyến bay:
 - a) Điều hành bay bao gồm: kiểm soát mặt đất, kiểm soát tại sân bay, kiểm soát tiếp cận, kiểm soát đường dài;
 - b) Thông báo bay;
 - c) Tư vấn không lưu;
 - d) Báo động.
6. Nhân viên thông báo tin tức hàng không thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý cung cấp, trao đổi dịch vụ thông báo tin tức hàng không cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định.
7. Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không thực hiện nhiệm vụ khai thác thiết bị truyền tin mạng viễn thông cố định hàng không (AFTN), khai thác thiết bị thông tin sóng cao tần không - địa (HF A/G), khai thác thiết bị thông tin sóng cực ngắn (VHF), kiểm tra hiệu chuẩn thiết bị phụ trợ dẫn đường, giám sát hàng không, thực hiện việc bảo dưỡng các thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không.
8. Nhân viên khí tượng hàng không thực hiện nhiệm vụ khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị khí tượng; thu thập, phân tích, xử lý số liệu khí tượng, lập bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết; cung cấp thông tin khí tượng cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động bay.
9. Nhân viên điều độ, khai thác bay thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch bay của người khai thác tàu bay và thực hiện công việc trợ giúp tổ lái trong quá trình thực hiện chuyến bay.
10. Nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, trang bị, thiết bị tại khu bay thực hiện nhiệm vụ điều khiển, vận hành các phương tiện, trang bị, thiết bị phục vụ các chuyến bay đi, đến trong khu bay tại các cảng hàng không, sân bay.
11. Nhân viên an ninh hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; duy trì trật tự tại khu vực công cộng tại cảng hàng không, sân bay; tuần tra, canh gác bảo vệ vành đai

cảng hàng không, sân bay, khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay, tàu bay đỗ tại cảng hàng không, sân bay; bảo đảm an ninh trên chuyến bay.

12. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và làm thủ tục vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hoá tại cảng hàng không, sân bay; cân bằng trọng tải tàu bay, kiểm tra hàng nguy hiểm trước khi đưa lên tàu bay; vệ sinh tàu bay; xếp dỡ hành lý, hàng hoá lên, xuống tàu bay.

Điều 4. Giấy phép của nhân viên hàng không

1. Những nhân viên hàng không sau đây khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép:

a) Nhân viên hàng không quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h, i, k và l khoản 1 Điều 2 của Quyết định này;

b) Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 của Quyết định này làm việc ở các vị trí: khai thác thiết bị truyền tin AFTN, khai thác thiết bị thông tin HF A/G, khai thác thiết bị thông tin VHF, kiểm tra hiệu chuẩn thiết bị phụ trợ dẫn đường, giám sát hàng không và bảo dưỡng các thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không.

2. Tiêu chuẩn cấp giấy phép nhân viên hàng không bao gồm:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định này;

b) Tham dự và đạt kết quả của kỳ kiểm tra để cấp giấy phép.

Điều 5. Chứng chỉ chuyên môn của nhân viên hàng không

1. Các nhân viên hàng không không phải là đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quyết định này khi thực hiện nhiệm vụ phải có chứng chỉ chuyên môn do cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cấp.

2. Tiêu chuẩn cấp chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không bao gồm:

a) Được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn tại cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không hoặc công nhận;

b) Tham dự và đạt kết quả của kỳ thi tốt nghiệp do cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không tổ chức.

3. Thủ tục cấp chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không thực hiện theo quy định của Pháp luật về giáo dục và đào tạo.

Điều 6. Thủ tục cấp giấy phép nhân viên hàng không

1. Người đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cho Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- b) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;
- c) Văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp;
- d) Chứng chỉ chuyên môn phù hợp;
- đ) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp.

2. Cục Hàng không Việt Nam thành lập Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép phù hợp với chức danh nhân viên hàng không khi có nhu cầu kiểm tra (sau đây gọi là Hội đồng kiểm tra).

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người đề nghị cấp giấy phép, Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và báo cáo kết quả với Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

4. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định việc cấp giấy phép cho nhân viên hàng không trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả của Hội đồng kiểm tra.

Điều 7. Hội đồng kiểm tra

1. Hội đồng kiểm tra thực hiện việc kiểm tra để cấp mới, cấp lại giấy phép và cấp năng định cho nhân viên hàng không.

2. Thành phần Hội đồng kiểm tra bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và các uỷ viên Hội đồng.

3. Hội đồng kiểm tra có các nhiệm vụ sau đây:

- a) Xây dựng quy chế làm việc của Hội đồng;
- b) Xây dựng nội dung kiểm tra, đề kiểm tra và đáp án trình Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt;